

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 09 - 4 - 2018.

V/v tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Hùng Phương.

*Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Đào Văn Rạng.

- Ông Đàm Văn Kiều.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án.

Ngày 09/4/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2017/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 12/3/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST - HNGĐ ngày 30/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H – Sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H – Sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Đội 4 Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H và anh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị H vắng mặt (đã có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong đơn khởi kiện lập ngày 10/12/2017 cũng như lời khai của chị Phạm Thị H tại các buổi làm việc thể hiện: Chị kết hôn với anh Trần Văn H vào tháng 01/2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù đã được gia đình động viên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến tháng 01/2017 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích

hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị Phạm Thị H trình bày giữa chị và anh H có một con chung là cháu Trần Tuấn T, sinh ngày 25/7/2015 kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nhưng đến tháng 12/2017 anh H có xin đón về nhà chơi với ông bà nội, khi chị đến đón con về thì anh H không cho chị đón con. Vợ chồng ly hôn chị H xin nhận trực tiếp nuôi cháu Trần Tuấn T và không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh chị H.

Về tài sản chung của vợ chồng chị H khai vợ chồng chị không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị H đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt (anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do) nhưng tại các buổi làm việc anh Trần Văn H trình bày: Anh kết hôn với chị Phạm Thị H vào tháng 01/2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, đến đầu tháng 01/2017 thì vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn vì anh xác định tình cảm giữa anh và chị H vẫn còn, anh H muốn chị H về đoàn tụ với gia đình tiếp tục nuôi dạy con cái trưởng thành mặt khác gia đình anh là gia đình công giáo nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung anh Trần Văn H xác định vợ chồng có một con chung là cháu Trần Tuấn T, sinh ngày 25/7/2015 kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nhưng tháng 12/2017 anh đã đón con về xã N ở. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh H có nguyện vọng nuôi cháu T và không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh H.

Về tài sản chung anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn H cư trú tại huyện N. Nay chị Phạm Thị H có đơn xin ly hôn anh Trần Văn H và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H đều

vắng mặt nhưng chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa đây là lần thứ hai vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H vào tháng 01 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Mặc dù được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhưng không thành vợ chồng ly thân nhau từ tháng 01/2017. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng chị được ly hôn. Anh Trần Văn H có quan điểm tình cảm giữa anh và chị H vẫn còn, anh muốn chị H về đoàn tụ với gia đình tiếp tục nuôi dạy con cái trưởng thành mặt khác gia đình anh là gia đình công giáo nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H phát sinh, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng chị H và anh H vẫn không được cải thiện, vợ chồng chị H anh H vẫn sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy tình cảm vợ chồng là không còn, cơ hội đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H xin ly hôn xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm của anh Trần Văn H không nhất trí ly hôn vì lý con còn nhỏ và mong muốn chị H về đoàn tụ với gia đình và tiếp tục nuôi dạy con cái trưởng thành mặt khác gia đình anh lại là gia đình công giáo, nhưng anh H cũng thừa nhận việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không được cải thiện. Do vậy việc anh H không nhất trí ly hôn chị H và xin được đoàn tụ là không có căn cứ do vậy không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H có một con chung là cháu Trần Tuấn T, sinh ngày 25/7/2015 kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nhưng đến tháng 12/2017 anh H đón con về xã N nuôi dưỡng. Chị H xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu

anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, phía anh H cũng có nguyện vọng nuôi cháu Trần Tuấn T và không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh H.

Xét nguyện vọng của chị H và anh H là chính đáng, phù hợp với pháp luật, nhưng xét thấy cháu T hiện còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận giao cháu T cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình. Việc chị H không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy được chấp nhận. Anh Trần Văn H phải có trách nhiệm giao con chung là cháu Trần Tuấn T, sinh ngày 25/7/2015 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] - Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H.

[2] - Về con chung: Xử giao cháu Trần Tuấn T, sinh ngày 25/7/2015 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Anh Trần Văn H phải có trách nhiệm giao con chung là cháu Trần Tuấn T, sinh ngày 25/7/2015 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] - Án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số BB/2012/06181 ngày 19/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Phạm Hùng Phương**